

NHỮNG VẤN ĐỀ BẤT CẬP VỀ TẬP ĐOÀN KINH TẾ THEO LUẬT DOANH NGHIỆP NĂM 2005

ThS. ĐOÀN TRUNG KIÊN *

ThS. VŨ PHƯƠNG ĐÔNG **

1. Tập đoàn kinh tế là thực thể quan trọng trong đời sống kinh tế của mỗi quốc gia. Ở Việt Nam hiện nay, đang tồn tại hai loại tập đoàn kinh tế, một là các tập đoàn kinh tế nhà nước như Tập đoàn dầu khí quốc gia Việt Nam, Tập đoàn dệt may Việt Nam, Tập đoàn than khoáng sản Việt Nam, Tập đoàn điện lực Việt Nam, Tập đoàn công nghiệp tàu thủy Việt Nam, Tập đoàn bưu chính viễn thông, Tập đoàn viễn thông quân đội Viettel...; hai là các tập đoàn kinh tế tư nhân như Tập đoàn Hoà Phát, Tập đoàn Mai Linh, Tập đoàn Đông Nam dược Bảo Long, Tập đoàn Tân Tạo, Tập đoàn kinh tế Xuân Thành, Tập đoàn Hoàng Anh Gia Lai, Tập đoàn CEO... Nếu như sự ra đời của các tập đoàn kinh tế nhà nước là kết quả của quá trình sắp xếp, đổi mới các tổng công ty nhà nước để giải quyết bài toán kinh tế về hiệu quả hoạt động của các tổng công ty nhà nước trong tiến trình mở cửa và hội nhập thì sự ra đời của các tập đoàn kinh tế tư nhân bắt nguồn từ quá trình phát triển, tích tụ về vốn của các doanh nghiệp dân doanh ở Việt Nam nhằm đáp ứng nhu cầu về vấn đề quản trị, nhân sự, kiểm soát tài chính. Như vậy, nguyên nhân và mục đích ra đời của các tập đoàn kinh tế nhà nước và tập đoàn kinh tế tư nhân ở Việt Nam là khác nhau cho dù chúng đều hướng tới mục tiêu trở thành các tập đoàn kinh tế mạnh, kinh doanh đa ngành đa

lĩnh vực, có uy tín và thương hiệu ở trong nước, khu vực và trên thế giới.

2. Sự ra đời và phát triển của các tập đoàn kinh tế ở Việt Nam đòi hỏi Nhà nước phải xây dựng được hành lang pháp lý đầy đủ và rõ ràng về tổ chức và hoạt động của tập đoàn kinh tế để chúng phát triển, tăng sức cạnh tranh góp phần đưa đất nước chủ động và thực hiện có hiệu quả tiến trình hội nhập kinh tế. Vì vậy, Luật doanh nghiệp năm 2005 đã chính thức quy định về thực thể pháp lý này tại Điều 149, theo đó: “*Tập đoàn kinh tế là nhóm công ty có quy mô lớn. Chính phủ quy định hướng dẫn tiêu chí, tổ chức quản lý và hoạt động của tập đoàn kinh tế*”. Trên tinh thần này, Nghị định của Chính phủ số 139/2007/NĐ-CP ngày 5/9/2007 hướng dẫn chi tiết thi hành một số điều của Luật doanh nghiệp cũng dành một điều luật để hướng dẫn bổ sung về tập đoàn kinh tế tại Điều 26 và ngày 5/11/2009 Chính phủ đã ban hành Nghị định số 101/2009/NĐ-CP về thi điểm thành lập, tổ chức, hoạt động và quản lý tập đoàn kinh tế nhà nước. Tuy nhiên, quá trình áp dụng Luật doanh nghiệp năm 2005 và các văn bản hướng dẫn nói trên về tập đoàn kinh tế đã và đang bộc lộ nhiều vấn đề bất cập. Bài viết này sẽ phân tích rõ những

*, ** Giảng viên Khoa pháp luật kinh tế
Trường Đại học Luật Hà Nội

vấn đề bất cập đó để làm cơ sở cho việc hoàn thiện những quy định của Luật doanh nghiệp về tập đoàn kinh tế trong thời gian tới.

3. Bất cập về khái niệm “tập đoàn kinh tế”: Điều 149 Luật doanh nghiệp năm 2005 định nghĩa tập đoàn kinh tế là nhóm công ti có quy mô lớn. Như vậy, Luật doanh nghiệp năm 2005 chỉ mới nhận diện về hình thức hoạt động của tập đoàn kinh tế là dưới mô hình nhóm công ti. Cũng theo Luật doanh nghiệp năm 2005: “*Nhóm công ti là tập hợp các công ti có mối quan hệ gắn bó lâu dài với nhau về lợi ích kinh tế, công nghệ, thị trường và các dịch vụ kinh doanh khác. Nhóm công ti bao gồm các hình thức sau đây: (a) Công ti mẹ - công ti con; (b) Tập đoàn kinh tế; (c) Các hình thức khác*”.⁽¹⁾

Từ quy định về tập đoàn kinh tế và nhóm công ti trong Luật doanh nghiệp năm 2005 đã thấy rõ sự bị động và lúng túng của các nhà làm luật trong việc đưa ra khái niệm chính xác về tập đoàn kinh tế ở Việt Nam. Để làm rõ hơn vấn đề này, Nghị định số 139/2007/NĐ-CP ngày 5/9/2007 hướng dẫn chi tiết thi hành một số điều của Luật doanh nghiệp đã xác định cụ thể “hình hài” của tập đoàn kinh tế ở Việt Nam, theo đó: “*Tập đoàn kinh tế bao gồm nhóm các công ti có tư cách pháp nhân độc lập, được hình thành trên cơ sở tập hợp, liên kết thông qua đầu tư, góp vốn, sáp nhập, mua lại, tổ chức lại hoặc các hình thức liên kết khác; gắn bó lâu dài với nhau về lợi ích kinh tế, công nghệ, thị trường và các dịch vụ kinh doanh khác tạo thành tổ hợp kinh doanh có từ hai cấp doanh nghiệp trở lên dưới hình thức công ti mẹ-công ti con. Tập đoàn kinh tế không có tư cách pháp nhân, không phải đăng kí kinh doanh theo*

quy định của Luật doanh nghiệp”.⁽²⁾

Như vậy, tập đoàn kinh tế ở Việt Nam không phải là thực thể pháp lí độc lập, không phải là pháp nhân mà là nhóm các công ti có tư cách pháp nhân, có mối liên kết với nhau về tài chính, công nghệ, thị trường, thương hiệu, trong đó có một công ti (công ti mẹ) giữ quyền chi phối các công ti còn lại (công ti con). Với quan niệm này, “tập đoàn kinh tế” chỉ là tên gọi của các nhóm công ti quy mô lớn, quá trình vận hành của tập đoàn kinh tế ở Việt Nam sẽ phụ thuộc vào sự thoả thuận của các thành viên trong nhóm công ti mà không có mô hình quản trị mang tính chất chung, nền tảng.

4. Bất cập về cấu trúc liên kết bên trong của tập đoàn kinh tế: Tập đoàn kinh tế bao gồm nhóm các công ti có tư cách pháp nhân độc lập, các công ti này liên kết với nhau theo hình thức công ti mẹ-công ti con. Chính sự liên quan theo kiểu mẹ-con này đã làm nảy sinh nhiều vấn đề pháp lí phức tạp như khi nào thì một công ti trở thành công ti mẹ, mối quan hệ giữa công ti mẹ và công ti con được giải quyết như thế nào, công ti con có được đầu tư vào công ti mẹ để trở thành thành viên hay cổ đông của công ti mẹ hay không... Những vấn đề này Luật doanh nghiệp năm 2005 và các văn bản hướng dẫn Luật doanh nghiệp về tập đoàn kinh tế đã có quy định nhưng vẫn còn những điều chưa hợp lí như: Thứ nhất, Theo Luật doanh nghiệp năm 2005: “*Một công ti được coi là công ti mẹ của công ti khác nếu thuộc một trong các trường hợp sau đây: a) Sở hữu trên 50% vốn điều lệ hoặc tổng số cổ phần phổ thông đã phát hành của công ti đó; b) Có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp bổ nhiệm đa số hoặc tất*

cả thành viên hội đồng quản trị, giám đốc hoặc tổng giám đốc của công ty đó; c) Có quyền quyết định việc sửa đổi, bổ sung điều lệ của công ty đó”.⁽³⁾ Như vậy, tiêu chí để xác định công ty mẹ là rất rộng và điều này có thể gây khó khăn trong quá trình áp dụng pháp luật, đặc biệt là trong trường hợp xác định công ty mẹ không dựa vào tiêu chí sở hữu vốn của công ty mẹ tại công ty con mà dựa vào quyền trực tiếp hoặc gián tiếp bổ nhiệm đa số hoặc tất cả thành viên hội đồng quản trị, giám đốc hoặc tổng giám đốc của công ty đó hay là dựa vào quyền quyết định việc sửa đổi, bổ sung điều lệ của công ty con. Thứ hai, Luật doanh nghiệp năm 2005 còn chưa quy định chi tiết về quan hệ nội bộ giữa công ty mẹ và công ty con hay giữa các công ty con với nhau. Quan hệ giữa công ty mẹ và công ty con chỉ được điều chỉnh bằng quan hệ sở hữu phần vốn góp chi phối của công ty mẹ tại công ty con. Theo quy định của Luật doanh nghiệp, công ty mẹ sẽ đóng vai trò thành viên góp vốn chủ yếu của công ty con và có những quyền, nghĩa vụ như các thành viên hay các cổ đông thông thường khác. Sự phân cấp quản lý chủ yếu được dựa trên vấn đề vốn góp, trong khi đó các công ty trong tập đoàn còn phải có sự phối hợp trên nhiều lĩnh vực đặc biệt là công nghệ, thương hiệu hay hệ thống khách hàng. Mỗi quan hệ giữa các công ty con trong cùng tập đoàn cũng chưa có những quy định cụ thể, do đó, các công ty con chủ yếu hoạt động độc lập và ít có sự phối hợp với nhau trừ khi có sự can thiệp bằng mệnh lệnh của công ty mẹ; Thứ ba) Về sự đầu tư của công ty con ngược trở lại công ty mẹ để trở thành thành viên hay cổ đông của công ty mẹ. Theo quy định tại Điều 5 Thông

tư của Bộ tài chính số 242/2009/TT-BTC ngày 30/12/2009 thì: “Công ty con không được đầu tư góp vốn vào công ty mẹ”. Quy định này nhằm luôn bảo đảm tư cách “làm mẹ” cho công ty mẹ đồng thời cũng tránh sự chồng chéo trong quản lý phần vốn nhà nước tại các tổ chức kinh tế nhà nước hoạt động theo mô hình công ty mẹ-công ty con. Tuy nhiên, quy định này lại không được áp dụng với mô hình liên kết theo hình thức công ty mẹ-công ty con trong tập đoàn kinh tế tư nhân. Sự không thống nhất trong quy định về vấn đề này giữa hai loại tập đoàn kinh tế nói trên đã và đang gây ra những khó khăn nhất định cho các cơ quan quản lý nhà nước trong việc quản lý và giám sát cơ chế đầu tư đan chéo giữa công ty mẹ vào công ty con và ngược lại.

5. Bất cập về tên thương mại của tập đoàn kinh tế: Hiện nay tên thương mại của tập đoàn kinh tế không nhất quán giữa tập đoàn kinh tế tư nhân và tập đoàn kinh tế nhà nước. Đối với tập đoàn kinh tế tư nhân thì: “Cụm từ “tập đoàn” có thể sử dụng như một thành tố phụ trợ cấu thành tên riêng của công ty mẹ, phù hợp với các quy định từ Điều 31 đến Điều 34 của Luật doanh nghiệp về đặt tên doanh nghiệp”.⁽⁴⁾ Như vậy, trong cách đặt tên cho công ty mẹ vẫn phải có thành tố xác định loại hình công ty như “công ty cổ phần” hay “công ty trách nhiệm hữu hạn” và cụm từ tập đoàn chỉ như một thành tố phụ trợ cấu thành tên riêng của công ty mẹ. Ví dụ, công ty mẹ của Tập đoàn Hoà Phát có tên gọi là “Công ty cổ phần Tập đoàn Hoà Phát”, tuy nhiên tên giao dịch của công ty mẹ này là Tập đoàn Hoà Phát. Việc quy định như vậy có thể dẫn đến sự nhầm lẫn giữa tập đoàn và công ty mẹ. Đối với tập

đoàn kinh tế nhà nước thì: “*Tập đoàn kinh tế nhà nước có tên gọi, biểu tượng và thương hiệu riêng. Thủ tướng Chính phủ quyết định tên gọi của tập đoàn kinh tế nhà nước, tên của công ty mẹ thì điểm thành lập*”.⁽⁵⁾ Trong cách lựa chọn tên gọi của tập đoàn kinh tế nhà nước phụ thuộc vào đề xuất trong đề án thành lập tập đoàn. Ví dụ, Tập đoàn dầu khí quốc gia Việt Nam có công ty mẹ với tên gọi “Tập đoàn dầu khí Việt Nam”, trong đó Tập đoàn dầu khí quốc gia Việt Nam không có tư cách pháp nhân, công ty mẹ “Tập đoàn dầu khí Việt Nam” có tư cách pháp nhân, cách đặt tên này cũng tạo ra sự nhầm lẫn giữa Tập đoàn dầu khí quốc gia Việt Nam và công ty mẹ trong tập đoàn.

Từ những thực tiễn trên có thể thấy rằng cách thức đặt tên thương mại cho các tập đoàn ở Việt Nam đang gây nên sự nhầm lẫn giữa tập đoàn và công ty mẹ của tập đoàn, sự nhầm lẫn này có thể tạo ra những hệ quả phức tạp khi những giao dịch của các tổ chức này thường ở quy mô lớn đồng thời cũng gây không ít khó khăn cho quá trình xây dựng thương hiệu của các tập đoàn ở Việt Nam.

6. Bất cập về việc xác định quy mô tập đoàn: Luật doanh nghiệp năm 2005 không đưa ra yêu cầu về quy mô vốn, số lượng ngành nghề kinh doanh, số lượng lao động, doanh thu... cho các công ty khi tiến hành đăng ký kinh doanh có sử dụng cụm từ “tập đoàn”. Vì vậy, nhiều công ty quy mô vốn nhỏ, hoạt động đầu tư không đa dạng, số lượng lao động không nhiều... nhưng vẫn tiến hành đăng ký kinh doanh với tên gọi tập đoàn, với hi vọng cụm từ “tập đoàn” sẽ giúp họ dễ dàng hơn trong quá trình kinh doanh.

Tuy nhiên, điều này sẽ tạo ra những tập đoàn yếu, không đáp ứng được nhu cầu mà Nhà nước và xã hội đặt ra. Theo kinh nghiệm của một số quốc gia thế giới, nếu muốn tiến hành thành lập tập đoàn, các công ty, nhóm công ty phải tích tụ được một số vốn nhất định (hay còn gọi là vốn pháp định)⁽⁶⁾ nhưng ở Việt Nam khái niệm vốn pháp định chỉ dành cho những ngành nghề kinh doanh đặc biệt như kinh doanh trong lĩnh vực ngân hàng, chứng khoán, bất động sản mà chưa được quy định dành cho các mô hình kinh tế. Việc đặt ra vốn pháp định với các tập đoàn kinh tế tư nhân cũng là giải pháp hiệu quả để ngăn chặn những công ty chưa có đủ tiềm lực xưng danh là “tập đoàn”.

7. Những vấn đề bất cập về tập đoàn kinh tế nói trên nếu không được phát hiện sớm và khắc phục kịp thời cho hoàn thiện thì sẽ gây cản trở và khó khăn cho quá trình phát triển của các tập đoàn kinh tế ở Việt Nam đồng thời cũng có thể gây ra những khó khăn và lúng túng cho cơ quan quản lý nhà nước trong quá trình áp dụng lĩnh vực pháp luật này./.

(1).Xem: Điều 146 Luật doanh nghiệp năm 2005.

(2).Xem: Khoản 1, 2 Điều 26 Nghị định số 139/2007/NĐ-CP ngày 5/9/2007 hướng dẫn chi tiết thi hành một số điều của Luật doanh nghiệp.

(3).Xem: Khoản 15 Điều 4 Luật doanh nghiệp năm 2005.

(4).Xem: Khoản 4 Điều 26 Nghị định số 139/2007/NĐ-CP ngày 5/9/2007 hướng dẫn chi tiết thi hành một số điều của Luật doanh nghiệp.

(5).Xem: Khoản 1 Điều 5 Nghị định số 101/2009/NĐ-CP về thí điểm thành lập, tổ chức, hoạt động và quản lý tập đoàn kinh tế nhà nước.

(6).Xem: Bộ kế hoạch và đầu tư, *Xu thế hình thành tập đoàn kinh tế ở Việt Nam*.